

Bản án số: 720/2020/DS-ST

Ngày: 29 - 9 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Chí Tâm

2/ Ông Huỳnh Văn Phát

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 634/2016/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2016 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 84/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

Trụ sở: Tầng 8, Tòa nhà V, 72 đường L, phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Nguyễn Sĩ Trí Q, sinh năm 1986 (có mặt).

Nơi cư trú: 136-138 đường G, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số: 32/2019/EIB-SG/KHCN ngày 24/4/2019).

2/ Ông Đinh Hoàng L, sinh năm 1985 (có mặt).

Nơi cư trú: 26-28 đường M, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số: 31/2019/EIB-SG/KHCN ngày 24/4/2019).

- Bị đơn: Ông Đỗ Minh H, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 423/11 đường K, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2016 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần X và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Sĩ Trí Q và ông Đinh Hoàng L là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/02/2015, ông Đỗ Minh H ký Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế Visa Gold, số hồ sơ: VG0639, mã số khách hàng: 114414505, số tài khoản thẻ: 140124849012932, hiệu lực thẻ: 02/2016, hình thức đảm bảo: tín chấp, hạn mức tín dụng được duyệt: 300.000.000 đồng, lãi suất năm quy định theo từng thời kỳ: 19,2%, 22,8%, 24% và 28,2%.

Cùng ngày, ông H đã nhận thẻ và đã thực hiện các giao dịch. Hàng tháng nguyên đơn gửi bản diễn giải giao dịch trong tháng cho chủ thẻ, trong đó liệt kê chi tiết các giao dịch phát sinh trong tháng, các khoản phí, số dư nợ và yêu cầu thanh toán đúng số tiền theo thời hạn chỉ định.

Ngân hàng Thương mại cổ phần X đã nhiều lần gửi văn bản thông báo, nhưng ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Minh H thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/5/2016 là 330.962.917 đồng (trong đó: nợ gốc 291.558.865 đồng, lãi và phí quá hạn 39.404.052).

Ông Đỗ Minh H phải thanh toán lãi và phí kể từ ngày 24/5/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất và mức phí quy định Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 27/02/2015, số hồ sơ: VG0639.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện nguyên đơn khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Minh H thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.438.368.994 đồng (trong đó: nợ gốc 291.558.865 đồng, lãi 2.227.712.300 đồng, phí trễ hạn 3.648.653.445 đồng, phí vượt hạn mức 270.426.784 đồng, phí SMS 17.600 đồng).

Ông Đỗ Minh H phải thanh toán lãi và phí kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất và mức phí quy định Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 27/02/2015, số hồ sơ: VG0639.

Bị đơn ông Đỗ Minh H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng quốc tế do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chấm dứt việc sử dụng thẻ của bị đơn. Nguyên đơn

khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ gốc, nợ lãi quá hạn phát sinh đến thời điểm xét xử là có cơ sở. Tuy nhiên, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền dư nợ, tiền lãi, phí trễ hạn và phí vượt hạn mức là chưa phù hợp quy định của pháp luật, cần xem xét điều chỉnh lại phương thức tính lãi của nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần X và ông Đỗ Minh H trong hoạt động phát hành thẻ, giữa một bên là tổ chức tín dụng với khách hàng. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ pháp tranh chấp trên là tranh chấp hợp đồng tín dụng căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Ngân hàng Thương mại cổ phần X khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Đỗ Minh H cư trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa; quyết định tạm ngừng phiên tòa nhưng bị đơn ông Đỗ Minh H vắng mặt. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến; tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng ông Đỗ Minh H vẫn vắng mặt. Vì vậy, ông Đỗ Minh H đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ quy định tại các Điều 196, 207, 208 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Theo bảng chiết tính lãi vay ngày 28/9/2020, Ngân hàng Thương mại cổ phần X yêu cầu ông Đỗ Minh H thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 6.438.368.994 đồng (trong đó: nợ gốc 291.558.865 đồng, lãi 2.227.712.300 đồng, phí trễ hạn 3.648.653.445 đồng, phí vượt hạn mức 270.426.784 đồng, phí SMS 17.600 đồng).

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền nợ gốc là 291.558.865 đồng;

Căn cứ vào Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 27/02/2015, được lập và có chữ ký xác nhận kèm biên bản bàn giao thẻ cùng ngày trên giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần X và ông Đỗ Minh H đủ cơ sở để xác định Ngân hàng Thương mại cổ phần X phát hành cho ông Đỗ Minh H thẻ quốc tế Visa Gold, số hồ sơ: VG0639, mã số khách hàng: 114414505, số tài khoản thẻ: 140124849012932, hiệu lực thẻ: 02/2016, hình thức đảm bảo: tín chấp, hạn mức tín dụng được duyệt: 300.000.000 đồng, lãi suất năm quy định theo từng thời kỳ: 19,2%; 22,8%; 24%; và 28,2%.

Nội dung Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, bị đơn đã không thanh toán tiền đầy đủ cho nguyên đơn theo hóa đơn thanh toán dành cho chủ thẻ. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa án để giải quyết cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn; do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 291.558.865 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lãi và phí tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm gồm: lãi 2.227.712.300 đồng, phí trễ hạn 3.648.653.445 đồng, phí vượt hạn mức 270.426.784 đồng, phí SMS 17.600 đồng.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 17/01/2016 nguyên đơn đã khóa thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang lãi quá hạn, căn cứ quy định tại Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và Biểu phí phát hành và sử dụng thẻ do nguyên đơn công bố được áp dụng cho thẻ tín dụng cấp cho bị đơn được xác định lãi suất từng thời kỳ, cụ thể:

- Thông báo điều chỉnh biểu phí phát hành và sử dụng thẻ áp dụng cho tất cả các đối tượng khách hàng số: 1887/2012/EIB/TB-P.QLT ngày 10/9/2012 có hiệu lực ngày 11/9/2012: 19,2%/năm.

- Thông báo điều chỉnh biểu phí phát hành và sử dụng thẻ áp dụng cho tất cả các đối tượng khách hàng số: 637/2016/EIB/TB-TTT ngày 13/4/2016 có hiệu lực ngày 29/4/2016: 22,8%/năm.

- Thông báo điều chỉnh biểu phí phát hành và sử dụng thẻ áp dụng cho tất cả các đối tượng khách hàng số: 9071/2018/EIB/TB-TTT ngày 04/7/2018 có hiệu lực ngày 10/7/2018: 24%/năm.

- Thông báo điều chỉnh biểu phí phát hành và sử dụng thẻ áp dụng cho tất cả các đối tượng khách hàng số: 294/2019/EIB/TB-TTT ngày 07/01/2019 có hiệu lực ngày 15/01/2019: 28,2%/năm.

Căn cứ Điều 7, Điều 8 và Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định:

“Điều 7. Áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng

1. Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất.

2. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất.

Điều 8. Xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xét xử sơ thẩm

1. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01-01-2017 được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả.

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng....

Điều 12. Xử lý việc không trả nợ đúng hạn trong hợp đồng vay tài sản

1. Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án xem xét, quyết định theo nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn.

2. Hợp đồng vay tài sản vừa có thỏa thuận phạt vi phạm, vừa có thỏa thuận lãi trên nợ gốc quá hạn hoặc hình thức khác áp dụng đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án căn cứ quy định tương ứng của Bộ luật Dân sự, Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự, Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất để xem xét, quyết định xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn theo nguyên tắc hướng dẫn tại khoản 1 Điều này..”

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi 2.227.712.300 đồng, phí trễ hạn 3.648.653.445 đồng, phí vượt hạn mức 270.426.784 đồng, phí SMS 17.600 đồng tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo phương thức tính chuyển dư nợ cuối kỳ thành dư nợ đầu kỳ, số dư đầu kỳ cộng với tiền lãi, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức của mỗi kỳ tính lãi phát sinh thành số dư cuối kỳ từ ngày chuyển nợ quá hạn của từng thẻ tín dụng cho đến ngày xét xử là chưa phù hợp quy định pháp luật.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành quy chế phát hành thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng quy định về phí dịch thẻ: “... **Chủ thẻ phải trả phí cho việc sử dụng dịch vụ thẻ. Loại phí và mức phí do TCPHT quy định tùy thuộc vào loại thẻ sử dụng, dịch vụ mà chủ thẻ được cung ứng khi sử dụng thẻ** và không trái với quy định của pháp luật...”

Căn cứ vào Xác nhận tình trạng thẻ tín dụng thì nguyên đơn đã khóa thẻ của ông H từ ngày 17/01/2016, đồng thời từ đó đến nay phía ông H cũng không có bất kỳ văn bản nào yêu cầu Ngân hàng Thương mại cổ phần X cho ông được tiếp tục sử dụng thẻ. Chủ thẻ phải trả phí cho việc sử dụng dịch vụ thẻ, loại phí và mức phí do tổ chức phát hành thẻ quy định tùy thuộc vào loại thẻ sử dụng, dịch vụ mà chủ thẻ được cung ứng khi sử dụng thẻ. Ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán như trên thì chỉ phải chịu các khoản phí tính đến ngày không còn được sử dụng thẻ tức ngày ông H bị nguyên đơn khóa thẻ.

Do đó, nguyên đơn đã chấm dứt hiệu lực sử dụng thẻ tín dụng và chuyển nợ quá hạn thì nguyên đơn có quyền tính lãi quá hạn trên dư nợ, các loại phí khác không còn phát sinh. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét điều chỉnh lại lãi quá hạn phát sinh theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Tiền lãi quá hạn điều chỉnh theo mức lãi suất nợ quá hạn áp dụng trong từng thời kỳ theo Thông báo điều chỉnh biểu phí phát hành và sử dụng thẻ áp dụng cho tất cả các đối tượng khách hàng của ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn, cụ thể:

- Từ ngày 07/01/2016 đến ngày 28/4/2016: $291.558.865 \text{ đồng} \times 19,2\%/năm \times 150\% \times H(1/365) \times 113 \text{ ngày} = 25.995.868 \text{ đồng}$;

- Từ ngày 29/4/2016 đến ngày 09/7/2018: $291.558.865 \text{ đồng} \times 22,8\%/năm \times 150\% \times H(1/365) \times 802 \text{ ngày} = 219.095.703 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 10/7/2018 đến ngày 14/01/2019: $291.558.865 \text{ đồng} \times 24\%/năm \times 150\% \times H(1/365) \times 189 \text{ ngày} = 54.349.768 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 15/01/2019 đến ngày 29/9/2020: $291.558.865 \text{ đồng} \times 28,2\%/năm \times 150\% \times H(1/365) \times 624 \text{ ngày} = 210.842.591 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi quá hạn: 510.283.930 đồng.

Theo nội dung quy định tại Thông báo điều chỉnh biểu phí phát hành và sử dụng thẻ do nguyên đơn phát hành thể hiện: Phí SMS 26.400 đồng/quý/1thẻ/1 số thuê bao. Việc tính phí SMS phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về phí SMS là 17.600 đồng.

Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 801.860.395 đồng (trong đó nợ gốc là 291.558.865 đồng, lãi quá hạn 510.283.930 đồng và phí SMS 17.600 đồng) tạm tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Đỗ Minh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế Visa Gold, số hồ sơ: VG0639, mã số khách hàng: 114414505, số tài khoản thẻ: 140124849012932 ngày 27/02/2015.

Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần yêu cầu về tiền lãi, phí trễ hạn và phí vượt hạn mức với số tiền là 6.146.810.129 đồng – (510.283.930 đồng + 17.600 đồng) = 5.636.508.599 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do vụ án đã được thụ lý để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 nhưng sau ngày 01 tháng 01 năm 2017 Tòa án mới giải quyết theo thủ tục sơ thẩm nên căn cứ Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, bị đơn phải chịu 36.055.812 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu 801.860.395 đồng của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận; nguyên đơn phải chịu

113.636.509 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu 5.636.508.599 đồng không được Tòa án chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 264 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

Buộc ông Đỗ Minh H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 801.860.395 (tám trăm lẻ một triệu tám trăm sáu mươi nghìn ba trăm chín mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc 291.558.865 (hai trăm chín mươi một triệu năm trăm năm mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng), lãi quá hạn 510.283.930 (năm trăm mười triệu hai trăm tám mươi ba nghìn chín trăm ba mươi đồng) và phí SMS 17.600 (mười bảy nghìn sáu trăm đồng) theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế Visa Gold, số hồ sơ: VG0639, mã số khách hàng: 114414505, số tài khoản thẻ: 140124849012932 ngày 27/02/2015 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần X và ông Đỗ Minh H.

Thi hành một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Ông Đỗ Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.055.812 (ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm mười hai đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần X phải chịu án phí 113.636.509 (một trăm mười ba triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm lẻ chín đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền 8.274.000 (tám triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008358 ngày 04/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng thương mại Cổ phần X còn phải nộp 105.362.509 (một trăm lẻ năm triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm lẻ chín đồng).

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Đỗ Minh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế Visa Gold, số hồ sơ: VG0639, mã số khách hàng: 114414505, số tài khoản thẻ: 140124849012932 ngày 27/02/2015.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Quỳnh